TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 31-8-2017.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức;

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Không Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 6, xã BĐ, huyện GĐ, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp AB, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Q trình bày:

Anh và chị C tự chung sống với nhau vào năm 2006, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng bắt đầu chung sống tại xã AT, huyện TB. Quá trình chung sống, anh và chị C thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, không

thông cảm được với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên thường gọi là Lê Bảo N, sinh ngày 01-9-2013 (chưa đăng ký khai sinh), cháu N đang theo sống với chị C. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị C tiếp tục nuôi con chung, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai của chị C thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án:

Nhận thấy chị C thừa nhận thời gian chung sống với anh Q, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung như anh Q trình bày là đúng. Nay chị đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Lê Bảo N, sinh ngày 01-9-2013 (chưa đăng ký khai sinh), không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Không công nhận anh Lê Không Q và chị Nguyễn Thị Kim C là vợ chồng.

Về con chung: Giao chị C nuôi cháu Lê Bảo N, sinh ngày 01-9-2013. Ghi nhận anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị C chung sống với nhau vào năm 2006, không đăng ký kết hôn. Anh, chị xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh Q yêu cầu ly hôn và chị C cũng đồng ý ly hôn. Hội

đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Q và chị C.

[2] Về con chung: Xét thấy, thực tế chị C là người nuôi cháu N từ lúc vợ chồng ly thân đến nay. Hiện tại, cháu N phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Nay anh Q và chị C thỏa thuận giao chị C tiếp tục nuôi cháu N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù, chị C không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 14, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Không Q và chị Nguyễn Thị Kim C.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Kim C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Bảo N, sinh ngày 01-9-2013.

Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Lê Không Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Q phải chịu là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009067 ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; anh Q còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho anh Q biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Ngọc Đững